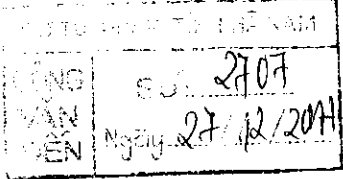


Số: **32** /2017/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày **07** tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường  
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 06 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Xét Tờ trình số 3462/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

1. Đối tượng áp dụng.

a) Đối tượng nộp phí.

- Hộ gia đình.

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân).

- Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến.

- Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy.

- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.

- Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định 154/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trường hợp các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và trả tiền dịch vụ xử lý nước thải thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã tiếp nhận và xả ra môi trường (*trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định 154/2016/NĐ-CP là: Nước thải sinh hoạt tập trung do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tiếp nhận và đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định xả thải ra môi trường*).

b) Đối tượng thu phí: Các đơn vị cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

#### c) Các trường hợp miễn phí

- Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội.

- Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch.

- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng.

- Nước mưa tự nhiên chảy tràn (trừ diện tích thuộc khu vực nhà máy hóa chất).

- Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân.

- Nước thải sinh hoạt tập trung do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tiếp nhận và đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định xả thải ra môi trường.

- Các trường hợp được miễn, giảm phí khác theo quy định pháp luật.

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Bằng 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

a) Chi phí cho hoạt động thu phí: Để lại 5% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch và 15% cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

b) Nộp ngân sách nhà nước phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Phần còn lại sau khi trừ số tiền phí được trích để lại, đơn vị cung cấp nước sạch và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nộp vào ngân sách nhà nước để điều tiết cho các cấp ngân sách như sau:

- Đối với số thu do các đơn vị cung cấp nước sạch (*tổ chức, doanh nghiệp cung cấp nước sạch*): Điều tiết 100% cho ngân sách cấp huyện (huyện, thành phố).

- Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện thu phí: Điều tiết 100% cho ngân sách cấp xã (xã, phường, thị trấn).

c) Toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt nộp ngân sách nhà nước điều tiết cho các cấp ngân sách được sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

4. Các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

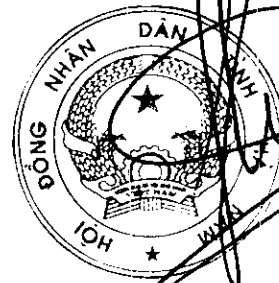
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, TN&MT;
- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; TN&MT; Tư pháp;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Sỹ Lợi**